

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN  
TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ  
GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

**Tên Công ty:** Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An

**Tên viết tắt:** LAWACO

**Địa chỉ trụ sở chính:** 250 Hùng Vương, P4, TPTA, Long An

**Điện thoại:** 072.3825.114

**Fax:** 072.3826.040

**Website:** www.lawaco.com.vn

**Người công bố thông tin:** Cao Duy Thanh

**Chức danh:** Trưởng ban kiểm soát

**Loại thông tin công bố:**

Định kỳ     24h     72h     Theo yêu cầu     Khác

**Nội dung thông tin công bố:** Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 04/3/2024 tại Website: <http://lawaco.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố.

*Long An, ngày 04 tháng 03 năm 2024*

**Người được ủy quyền công bố thông tin**

*(Chữ ký, họ tên và đóng dấu)*



*Cao Duy Thanh*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

- Kiểm toán
- Audit
- Tư vấn Thuế
- Tax advisory
- Tư vấn Tài chính
- Financial advisory
- Thẩm định giá và xác định giá trị doanh nghiệp
- Valuation

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

---

Tháng 2 năm 2024

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 – 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 – 29

100  
CỔ  
CÁP  
TP. T

PH

**BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Bảo Tùng	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 8 năm 2023)
Ông Phạm Quốc Thắng	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 8 năm 2023)
Bà Trương Ngọc Thùy Trang	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 8 năm 2023)
Ông Mai Song Hào	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023)
Ông Trần Tấn Lợi	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023)
Ông Lê Mạnh Huy	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023)
Ông Trịnh Kiên	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2023)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Bảo Tùng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 05 tháng 9 năm 2023)
Ông Lưu Văn Cần	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trương Ngọc Thùy Trang	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 05 tháng 9 năm 2023)

**Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Bảo Tùng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

**TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



---

**Nguyễn Bảo Tùng**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Long An, ngày 28 tháng 02 năm 2024

0 - C  
TY  
AN  
T. NUO  
AN  
-T. LO

SỐ: 019/VACO/BCKT.HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2024, từ trang 04 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

**Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Nguyễn Ngọc Thạch**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2023-156-1  
**Thay mặt và đại diện cho**  
**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2024

**Phạm Hoàng Việt**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 4924-2019-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>33.188.105.551</b>	<b>40.789.768.592</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>4.458.731.389</b>	<b>4.077.871.145</b>
1. Tiền	111		4.110.722.909	3.742.275.570
2. Các khoản tương đương tiền	112		348.008.480	335.595.575
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>116.092.306</b>	<b>110.669.500</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		116.092.306	110.669.500
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>14.672.381.464</b>	<b>11.610.610.110</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	11.514.967.751	6.977.520.329
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.482.888.702	1.865.389.874
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	1.732.991.834	2.966.388.169
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(58.466.823)	(198.688.262)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>13.642.333.229</b>	<b>23.687.192.231</b>
1. Hàng tồn kho	141		19.327.302.790	23.687.192.231
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.684.969.561)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>298.567.163</b>	<b>1.303.425.606</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		298.567.163	1.303.425.606
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>280.930.882.446</b>	<b>286.369.369.925</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>279.176.368.929</b>	<b>257.842.432.797</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	277.688.533.964	256.346.597.828
- Nguyên giá	222		640.214.802.910	583.790.346.440
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(362.526.268.946)	(327.443.748.612)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	1.487.834.965	1.495.834.969
- Nguyên giá	228		2.041.741.000	2.041.741.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(553.906.035)	(545.906.031)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>27.473.246.079</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	-	27.473.246.079
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.754.513.517</b>	<b>1.053.691.049</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.754.513.517	1.053.691.049
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>314.118.987.997</b>	<b>327.159.138.517</b>

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>141.280.044.735</b>	<b>158.768.617.150</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>70.992.418.354</b>	<b>98.872.928.639</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	39.082.482.507	40.009.201.967
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	2.317.792.100	2.448.207.425
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	2.732.536.807	1.455.263.601
4. Phải trả người lao động	314		3.779.312.898	1.547.504.908
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		494.795.463	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	8.919.215.742	8.042.540.849
7. Vay và nợ ngắn hạn	320	16	11.752.000.000	43.335.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.914.282.837	2.035.209.889
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>70.287.626.381</b>	<b>59.895.688.511</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	13.770.122.543	14.309.184.673
2. Vay và nợ dài hạn	338	16	56.517.503.838	45.586.503.838
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>172.838.943.262</b>	<b>168.390.521.367</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>172.838.943.262</b>	<b>168.390.521.367</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		122.000.000.000	122.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		122.000.000.000	122.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		50.838.943.262	46.390.521.367
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>314.118.987.997</b>	<b>327.159.138.517</b>
(440 = 300 + 400)				



Nguyễn Bảo Tùng  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Long An, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Nguyễn Quốc Phong  
Kế toán trưởng

Trịnh Huỳnh Thủy Tiên  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		277.784.765.820	247.196.058.369
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	2.061.569.395
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	19	277.784.765.820	245.134.488.974
4. Giá vốn hàng bán	11	20	217.597.497.266	192.621.193.806
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		60.187.268.554	52.513.295.168
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		27.203.063	23.845.278
7. Chi phí tài chính	22	22	5.874.167.868	5.303.421.631
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.874.167.868	5.303.421.631
8. Chi phí bán hàng	25	23	19.540.018.805	13.091.194.008
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	20.261.996.439	18.739.793.955
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		14.538.288.505	15.402.730.852
11. Thu nhập khác	31		3.964.805.830	882.213.809
12. Chi phí khác	32		942.447.444	929.657.070
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3.022.358.386	(47.443.261)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		17.560.646.891	15.355.287.591
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	2.732.573.908	1.560.602.829
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		14.828.072.983	13.794.684.762
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	1.033	938



Nguyễn Bảo Tùng  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Long An, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Nguyễn Quốc Phong  
Kế toán trưởng

Trịnh Huỳnh Thủy Tiên  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	17.560.646.891	15.355.287.591
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	35.090.520.338	33.145.480.366
- Các khoản dự phòng	03	5.544.748.122	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(27.203.063)	(23.845.278)
- Chi phí lãi vay	06	5.874.167.868	5.303.421.631
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi	08	64.042.880.156	53.780.344.310
<b>Vốn lưu động</b>			
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(1.916.691.472)	(888.773.750)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	4.359.889.441	(1.635.163.672)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải	11	20.711.265.480	6.889.590.697
trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)			
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(700.822.468)	224.251.710
- Tiền lãi vay đã trả	13	(5.379.372.405)	(5.303.421.631)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(883.433.662)	(1.249.732.043)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2.345.138.000)	(1.757.662.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	77.888.577.070	50.059.433.621
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(49.464.037.811)	(41.116.842.571)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.422.806)	(10.669.500)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27.203.063	23.845.278
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	(49.442.257.554)	(41.103.666.793)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	94.322.034.213	123.244.371.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(114.974.034.213)	(129.583.199.817)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.413.459.272)	(6.283.185.812)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	(28.065.459.272)	(12.622.014.629)
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	50	380.860.244	(3.666.247.801)
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	4.077.871.145	7.744.118.946
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	70	4.458.731.389	4.077.871.145



Nguyễn Bảo Tùng  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Long An, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Nguyễn Quốc Phong  
Kế toán trưởng

Trịnh Huỳnh Thủy Tiên  
Người lập biểu

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An theo Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 24/4/2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Long An. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1100101500 đăng ký lần đầu ngày 12/7/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký thay đổi lần 7 ngày 05/9/2023.

Vốn điều lệ của Công ty là: 122.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 143 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 144 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Kiểm tra các chỉ tiêu hóa lý, vi sinh của nước;
- Tư vấn, thiết kế, lập dự toán các công trình lắp đặt hệ thống đường ống cung cấp nước, thoát nước;
- Kinh doanh nước uống đóng chai;
- Khai thác và cung cấp nước sạch (trên địa bàn thành phố Tân An và một số khu công nghiệp trong tỉnh); sản xuất nước uống đóng chai;
- Kinh doanh các loại vật tư – thiết bị cấp nước;
- Kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh đo, thử nghiệm phương tiện đo, (đồng hồ nước lạnh);
- Quản lý và lắp đặt hệ thống đường ống cấp thoát nước; thi công hệ thống cấp thoát nước;
- Bán điện cho điện lực (trừ truyền tải điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân);
- Dịch vụ khoan giếng;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### **2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Chủ tịch Hội Đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

#### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

*a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành.*

*b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

#### **Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

##### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

#### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 45
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

1500  
TY  
T NƯỚC  
AN  
LONG AN

N.H.H. T. T. T.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty là chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Các khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản giảm trừ doanh thu là giảm giá hàng bán phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến nay mới phát sinh giảm giá thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính năm hiện hành: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính năm hiện hành.
- Nếu khoản giảm giá phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính năm hiện hành: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính năm phát sinh khoản giảm giá.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các Bên liên quan của Công ty:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Ngày trở thành</u>	<u>Ngày chấm dứt</u>
UBND tỉnh Long An	Cổ đông lớn	-	-
Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương	Cổ đông lớn	31/5/2023	-
Công ty Cổ phần Nước Biwase - Long An (tên cũ là: Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Long An)	Công ty con của Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương	31/5/2023	-
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	Cổ đông lớn chi phối gián tiếp	-	25/5/2023
Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP	Cổ đông lớn (Công ty con của Nhựa Đồng Nai)	-	25/5/2023
Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP	-	25/5/2023
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng	Thành viên chủ chốt	-	-
Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt		-	-

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	438.644.721	35.060.242
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.672.078.188	3.707.215.328
Các khoản tương đương tiền	348.008.480	335.595.575
<b>Cộng</b>	<b>4.458.731.389</b>	<b>4.077.871.145</b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Phải thu ngắn hạn của bên liên quan</b>	<b>12.530.000</b>	<b>10.640.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Nước DNP - Long An - tiền dịch vụ xét nghiệm nước	12.530.000	10.640.000
<b>b) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là đối tượng khác</b>	<b>11.502.437.751</b>	<b>6.966.880.329</b>
Khách hàng cung cấp nước	9.357.470.053	4.066.980.284
Khách hàng khác	2.144.967.698	2.899.900.045
<b>Cộng</b>	<b>11.514.967.751</b>	<b>6.977.520.329</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**6. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	769.720.000	-	802.647.000	-
Phải thu phí bảo vệ môi trường	560.541.245	-	720.051.937	-
Phải thu thuế thu nhập cá nhân của người lao động	401.453.765	-	835.959.056	-
Ký cược, ký quỹ	1.276.824	-	592.500.414	-
Các khoản phải thu khác		-	15.229.762	-
<b>Cộng</b>	<b>1.732.991.834</b>	<b>-</b>	<b>2.966.388.169</b>	<b>-</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng (i) VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	18.524.382.920	(5.684.969.561)	22.884.272.361	-
Chi phí SXKD dở dang	802.919.870	-	802.919.870	-
<b>Cộng</b>	<b>19.327.302.790</b>	<b>(5.684.969.561)</b>	<b>23.687.192.231</b>	<b>-</b>

Tình hình biến động chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số đầu năm	-	-
Dự phòng bổ sung	5.684.969.561	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.684.969.561</b>	<b>-</b>

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 5.684.969.561 VND (năm 2022: 0 VND). Lý do dẫn đến trích lập dự phòng hàng tồn kho là nguyên vật liệu tồn đọng, dẫn đến mất phẩm chất.

Như trình bày tại Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp một số nguyên vật liệu để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**8. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

**NGUYÊN GIÁ**

Số đầu năm

- Mua sắm mới

- Đầu tư XDCB hoàn thành

Số cuối năm

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm	212.569.786.767	35.585.639.875	332.028.278.126	3.606.641.672	583.790.346.440
- Mua sắm mới	-	118.100.000	-	-	118.100.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.563.914.334	862.995.001	53.879.447.135	-	56.306.356.470
Số cuối năm	214.133.701.101	36.566.734.876	385.907.725.261	3.606.641.672	640.214.802.910

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Số đầu năm

- Khấu hao trong năm

Số cuối năm

Số đầu năm	161.888.199.507	31.068.799.785	132.203.771.252	2.282.978.068	327.443.748.612
- Khấu hao trong năm	10.349.195.773	1.944.525.457	22.274.864.018	513.935.086	35.082.520.334
Số cuối năm	172.237.395.280	33.013.325.242	154.478.635.270	2.796.913.154	362.526.268.946

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Số đầu năm

Số cuối năm

Số đầu năm	50.681.587.260	4.516.840.090	199.824.506.874	1.323.663.604	256.346.597.828
Số cuối năm	41.896.305.821	3.553.409.634	231.429.089.991	809.728.518	277.688.533.964

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình bao gồm các TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với giá trị là 94.597.098.442 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023: 68.724.699.306 VND).

Một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải truyền dẫn đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay (xem thuyết minh số 16) với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 149.060.699.025 VND (ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 118.520.869.868 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số đầu năm	1.477.835.000	525.106.000	38.800.000	2.041.741.000
Số cuối năm	1.477.835.000	525.106.000	38.800.000	2.041.741.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số đầu năm	-	507.106.031	38.800.000	545.906.031
- Khấu hao trong năm	-	8.000.004	-	8.000.004
Số cuối năm	-	515.106.035	38.800.000	553.906.035
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số đầu năm	1.477.835.000	17.999.969	-	1.495.834.969
Số cuối năm	1.477.835.000	9.999.965	-	1.487.834.965

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài (không xác định thời hạn) do vậy Công ty không trích khấu hao tài sản cố định hàng năm.

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 483.906.000 VND (ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 483.906.000 VND).

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Công trình: Tuyến ống cấp nước phân phối và dịch vụ khu vực huyện Bến Lức	-	7.175.219.112
Công trình: Tuyến ống nước sạch cấp cho người dân thị trấn Thủ Thừa	-	5.634.729.629
Công trình: Lắp hệ thống giám sát khai thác tài nguyên	-	2.287.829.455
Công trình khác	-	12.375.467.883
<b>Cộng</b>	-	27.473.246.079

Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản trong năm:

Số đầu năm	27.473.246.079
Tăng trong năm	28.833.110.391
Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	56.306.356.470
Số cuối năm	-

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Là chi phí sửa chữa tài sản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan</b>	<b>22.433.055.052</b>	<b>22.433.055.052</b>	<b>52.295.901</b>	<b>52.295.901</b>
Công ty Cổ phần Nước Biwase - Long An (tên cũ là: Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Long An) - tiền mua nước	22.433.055.052	22.433.055.052	52.295.901	52.295.901
<b>b) Phải trả người bán ngắn hạn là đối tượng khác</b>	<b>16.649.427.455</b>	<b>11.775.187.965</b>	<b>39.956.906.066</b>	<b>39.956.906.066</b>
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	2.640.790.820	2.640.790.820	5.713.566.880	5.713.566.880
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong Phía Nam	2.233.448.670	2.233.448.670	-	-
Công trình: Tuyến ống cấp nước phân phối và dịch vụ khu vực huyện Bến Lức	-	-	7.497.098.000	7.497.098.000
Công trình: Tuyến ống nước sạch cấp cho người dân thị trấn Thủ Thừa	-	-	6.085.508.000	6.085.508.000
Sửa chữa nâng công suất Nhà máy nước Tân An	-	-	5.548.345.214	5.548.345.214
Công ty TNHH TM DV SX Bình An An	-	-	2.891.068.243	2.891.068.243
Phải trả người bán khác	11.775.187.965	11.775.187.965	12.221.319.729	12.221.319.729
<b>Cộng</b>	<b>39.082.482.507</b>	<b>34.208.243.017</b>	<b>40.009.201.967</b>	<b>40.009.201.967</b>

**13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bất động sản Xuân Thảo	727.607.100	727.607.100
Công trình: Dự án di dời nút giao Hùng Vương - QL62 - BQLDA TP	635.244.000	635.244.000
Công trình: Thi công dự án khu nhà vườn trung tâm Garden Central Park - An Hòa	528.163.000	528.163.000
Khách hàng khác	426.778.000	557.193.325
<b>Cộng</b>	<b>2.317.792.100</b>	<b>2.448.207.425</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.674.631.272	1.674.631.272	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	660.602.829	2.732.573.908	883.433.662	2.509.743.075
Thuế thu nhập cá nhân	643.791.992	1.383.537.797	2.002.735.569	24.594.220
Thuế tài nguyên	150.868.780	2.226.104.878	2.178.774.146	198.199.512
Các loại thuế khác	-	159.607.366	159.607.366	-
<b>Cộng</b>	<b>1.455.263.601</b>	<b>8.176.455.221</b>	<b>6.899.182.015</b>	<b>2.732.536.807</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>8.919.215.742</b>	<b>8.042.540.849</b>
Phải trả cổ tức cho các cổ đông	8.143.659.626	7.401.678.758
Phải trả phí bảo vệ môi trường	775.556.116	640.862.091
<b>b) Dài hạn</b>	<b>13.770.122.543</b>	<b>14.309.184.673</b>
Phải trả UBND tỉnh Long An (Đại diện là Sở tài chính tỉnh Long An) - Bên liên quan - tiền bàn giao tài sản cố định (i)	12.154.262.000	12.154.262.000
Phải trả khác	1.615.860.543	2.154.922.673
<b>Cộng</b>	<b>22.689.338.285</b>	<b>22.351.725.522</b>

- (i) Đây là giá trị tài sản cố định: “Đường ống cấp nước xã Bình Đức - Thạnh Hòa - Thạnh Lợi, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An” theo Công văn số 1599/QĐ-UBND, với giá trị phải trả trong 20 năm là 12.154.262.000 VND, lịch trả nợ bắt đầu từ năm thứ 06 đến năm thứ 19 với giá trị 850.000.000 VND/năm và năm thứ 20 phải thanh toán 254.262.000 VND.

0150  
CÔNG TY  
HÀN  
T NƯỚC  
AN  
LONG AN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**16. VAY**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>11.752.000.000</b>	<b>11.752.000.000</b>	<b>114.974.034.213</b>	<b>83.391.034.213</b>	<b>43.335.000.000</b>	<b>43.335.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	-	-	100.239.034.213	68.139.034.213	32.100.000.000	32.100.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam	-	-	3.500.000.000	3.500.000.000	-	-
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (ii)	5.322.000.000	5.322.000.000	6.430.000.000	5.322.000.000	6.430.000.000	6.430.000.000
Quỹ Đầu tư và Phát triển tỉnh Long An (iii)	6.430.000.000	6.430.000.000	4.805.000.000	6.430.000.000	4.805.000.000	4.805.000.000
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>56.517.503.838</b>	<b>56.517.503.838</b>	<b>11.752.000.000</b>	<b>22.683.000.000</b>	<b>45.586.503.838</b>	<b>45.586.503.838</b>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (ii)	26.856.076.838	26.856.076.838	5.322.000.000	-	32.178.076.838	32.178.076.838
Quỹ Đầu tư và Phát triển Long An (iii)	29.661.427.000	29.661.427.000	6.430.000.000	22.683.000.000	13.408.427.000	13.408.427.000
<b>Cộng</b>	<b>68.269.503.838</b>	<b>68.269.503.838</b>	<b>126.726.034.213</b>	<b>106.074.034.213</b>	<b>88.921.503.838</b>	<b>88.921.503.838</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh khai thác và cung cấp nước sạch. Lãi suất vay được quy định trên từng Giấy nhận nợ, lãi quá hạn bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ hàng tồn kho là các nguyên vật liệu sử dụng trong ngành cấp thoát nước với tổng giá trị thế chấp là 20.000.000.000 VND.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam, mục đích vay để đầu tư dự án Nhà máy nước ngầm thị xã Tân An, thời hạn vay 25 năm, với lãi suất vay là 4,8%/năm. Đây là khoản vay tín dụng ODA của Đan Mạch. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm tài sản hình thành sau đầu tư và tài sản khác gắn liền với tài sản hình thành sau đầu tư.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**16. VAY (Tiếp theo)**

(iii) Khoản vay Quỹ Đầu tư và Phát triển:

- Mục đích vay để đầu tư xây dựng tuyến ống cấp nước D300 Tỉnh lộ 832, thời hạn vay 11 năm, với lãi suất vay là 5,8%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản là tuyến ống cấp nước D300 Tỉnh lộ 832.
- Mục đích vay để đầu tư xây dựng giảm thất thoát nước mạng lưới cấp nước dịch vụ thành phố Tân An, tỉnh Long An. Thời hạn vay 08 năm, với lãi suất vay là 6,95%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm tài sản hình thành sau đầu tư và tài sản khác gắn liền với tài sản hình thành sau đầu tư.
- Mục đích vay để đầu tư xây dựng và lắp đặt thiết bị giai đoạn 1 của dự án tuyến ống cấp nước đường tỉnh 832, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An (đoạn từ ngã 3 cầu Nhum, xã An Nhứt Tân đến xã Nhứt Ninh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An). Thời hạn vay 08 năm, với lãi suất vay là 5,8%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm tài sản hình thành sau đầu tư và tài sản khác gắn liền với tài sản hình thành sau đầu tư.
- Mục đích vay để đầu tư dự án: Di dời, nâng cấp tuyến cấp nước sạch D200 thành D400 đường tỉnh 818, đoạn từ KCN Long Hậu - Hòa Bình đến khu dân cư MT-LAND, thời hạn vay 10 năm, với lãi suất vay là 8,2%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm:
  - + Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản hình thành trong tương lai sau đầu tư công trình dự án: Di dời, nâng cấp tuyến cấp nước sạch D200 thành D400 đường tỉnh 818, đoạn từ KCN Long Hậu - Hòa Bình đến khu dân cư MT-LAND.
  - + Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị liên quan của Tuyến ống cấp nước sạch D160 - D225 đường Hương Lộ 25 (từ Tân Trụ đến đường Bán Cao).
- Mục đích vay để đầu tư xây dựng công trình tuyến ống cấp nước HDPE đường tỉnh 833C và 833 (đoạn từ ngã ba Quốc lộ 1 – Cai Tài đến cầu Bình Lăng, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An). Thời hạn vay 10 năm, với lãi suất vay là 6,3%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm:
  - + Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Tuyến ống D110 CN cho 3 xã Bình Đức, Thạnh Hòa, Thạnh Lợi.
  - + Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Cải tạo hệ thống mạng lưới TOCN thị trấn Tân Trụ và vùng lân cận huyện Tân Trụ.
  - + Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản hình thành trong tương lai sau đầu tư công trình dự án: Tuyến ống cấp nước HDPE đường tỉnh 833C và 833 (đoạn từ ngã ba Quốc lộ 1 – Cai Tài đến cầu Bình Lăng, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An).
- Mục đích vay để đầu tư thực hiện công trình tuyến ống cấp nước phân phối và dịch vụ cho các xã Thạnh Đức, Mỹ Yên, Phước Lợi, Tân Bửu và khu vực lân cận huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Thời hạn vay 10 năm, với lãi suất vay là 6,3%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm:
  - + Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Tuyến ống cấp nước sạch HDPE D225, D315 đường huyện 17 (đoạn từ Tỉnh lộ 833B đến UBND xã Long Sơn).
  - + Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Tuyến ống cấp nước sạch HDPE D160, D110, D63 các đường hẻm khu vực phường 2, 3, 4, 5, 6, 7, xã Bình Tâm, Tp. Tân An, tỉnh Long An.
  - + Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản hình thành trong tương lai sau đầu tư công trình dự án: Tuyến ống cấp nước phân phối và dịch vụ cho khu vực huyện Bến Lức, tỉnh Long An.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**16. VAY (Tiếp theo)**

- Mục đích vay để đầu tư xây dựng công trình tuyến ống cấp nước sạch cấp cho người dân dọc theo tuyến đường tỉnh 818, đường cấp bờ kênh Thủ Thừa (Khu phố ấp Nhà Dài), thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Thời hạn vay 10 năm, với lãi suất vay là 6,3%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm:

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Khu tái định cư khu Hành chính tỉnh (Khu tái định cư Đồng Tâm), phường 6, Tp. Tân An, tỉnh Long An.

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Lắp đặt tuyến ống cấp nước HDPE D160 và D63 đường Mai Bá Hương.

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Khu tái định cư số 01 phường Khánh Hậu, Tp. Tân An, tỉnh Long An.

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản hình thành trong tương lai sau đầu tư công trình dự án: Tuyến ống cấp nước sạch cho người dân thị trấn Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- Mục đích vay để đầu tư xây dựng công trình tuyến ống cấp nước HDPE D250 đường tỉnh 835 (đoạn từ ngã 3 Quốc lộ 1 đến đường Kênh Sáu Mét). Thời hạn vay 7 năm, với lãi suất vay là 6,3%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm:

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Xây lắp tuyến ống cấp nước phân phối, dịch vụ cho Tp. Tân An năm 2021.

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Lắp đặt Tê xả cặn trên mạng lưới cấp nước địa bàn Thành phố Tân An.

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình Lắp đặt tuyến ống phân phối nước sạch cho khu vực xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

+ Quyền khai thác tài sản và toàn bộ giá trị tài sản hình thành trong tương lai sau đầu tư công trình dự án: Tuyến ống cấp nước HDPE D250 đường tỉnh 835 (đoạn từ ngã 3 Quốc lộ 1 đến đường Kênh Sáu Mét).

- Mục đích vay để đầu tư xây dựng công trình hệ thống tuyến ống cấp nước sạch cho khu vực phường 5, xã Nhơn Trạch Trung, thành phố Tân An, tỉnh Long An. Thời hạn vay 7 năm, lãi suất 6.3%/năm. Khoản vay được đảm bảo bao gồm:

Hợp đồng thế chấp máy bơm thiết bị số 04/2023/HĐTC-QĐTPT ngày 08/09/2023:

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình đường Châu Thị Kim (hai bên tuyến đoạn từ đường Nguyễn Đình Chiểu đến đường Huỳnh Văn Tạo, phường 3, TP. Tân An, tỉnh Long An, giá trị định giá là 1.130.163.568 VND.

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan Công trình đường Trần Trung Tam (cư xá phường 3), phường 3, TP. Tân An, tỉnh Long An, với giá trị là 1.168.575.086 VND.

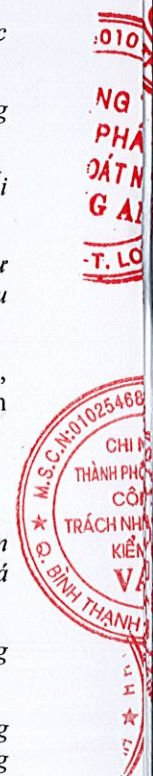
+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan Công trình đường Lê Anh Xuân, hẻm 40 đường Nguyễn Thái Bình, hẻm 46 đường Lê Anh Xuân, hẻm 81 đường Nguyễn Công Trung, phường 1, phường 3, TP. Tân An, Tỉnh Long An, giá trị là 926.830.232 VND.

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình đường Nguyễn Văn Cương (hai bên tuyến đoạn từ đường Quốc lộ 1 đến đường Phạm Văn Ngộ), đường Phạm Văn Ngộ (hai bên tuyến đường từ đường Nguyễn Văn Chương đến đường Trần Văn Đậu), đường Quốc lộ 1 (bên trái tuyến đoạn từ số nhà 1111 đến cầu Tân Hương), phường Tân Khánh, Tp. Tân An, Tỉnh Long An, với giá trị 2.142.906.147 VND.

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản liên quan công trình đường Đinh viết cừu GD4 (đoạn từ cổng Bình Tâm đến ranh ấp 1), xã Bình Tâm, TP. Tân An, tỉnh Long An, giá trị định giá là 889.685.088 VND.

Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị hình thành trong tương lai số 05/2023/HĐTC-QĐTPT:

+ Quyền khai thác và toàn bộ giá trị tài sản, công trình hệ thống tuyến ống cấp nước sạch cho khu vực phường 5 và xã Nhơn Trạch, Thành phố Tân An.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**16. VAY (Tiếp theo)**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải trả trong một năm	11.752.000.000	11.235.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	45.914.076.838	34.336.000.000
Sau năm năm	10.603.427.000	11.250.503.838
<b>Cộng</b>	<b>68.269.503.838</b>	<b>56.821.503.838</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 01 năm (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	11.752.000.000	11.235.000.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>56.517.503.838</b>	<b>45.586.503.838</b>

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>LNST chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	122.000.000.000	42.353.241.367	-	164.353.241.367
Lãi trong năm	-	-	13.794.684.762	13.794.684.762
Trích cổ tức	-	-	(7.401.678.758)	(7.401.678.758)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	4.037.280.000	(4.037.280.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(2.018.639.780)	(2.018.639.780)
Truy thu thuế và phạt vi phạm hành chính	-	-	(337.086.224)	-
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>122.000.000.000</b>	<b>46.390.521.367</b>	<b>-</b>	<b>168.390.521.367</b>
Lãi trong năm	-	-	14.828.072.983	14.828.072.983
Trích cổ tức (i)	-	-	(8.155.440.140)	(8.155.440.140)
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	4.448.421.895	(4.448.421.895)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(2.224.210.948)	(2.224.210.948)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>122.000.000.000</b>	<b>50.838.943.262</b>	<b>-</b>	<b>172.838.943.262</b>

- (i) Công ty tạm trích lập các quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển và chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2023 theo Tờ trình số 84/CV-KTTV ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

<b>Cổ phiếu</b>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.200.000	12.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.200.000	12.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.200.000	12.200.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.200.000	12.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.200.000	12.200.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

*Vốn điều lệ*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Số vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Cổ phần Nhà nước - UBND tỉnh Long An	73.200.000.000	60,0%	73.200.000.000	60,0%
Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương	46.437.400.000	38,1%	-	0,0%
Công ty CP Đầu tư ngành nước DNP	-	0,0%	45.324.400.000	37,2%
Cổ đông khác	2.362.600.000	1,9%	3.475.600.000	2,8%
<b>Cộng</b>	<b>122.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>122.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Cổ tức đã được thanh toán trong năm nay là 7.413.459.272 VND (năm trước là 6.283.185.812 VND).

**18. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN**

Hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch và đường ống cho việc cung cấp nước sạch chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu toàn Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất kinh doanh nước sạch và đường ống cung cấp nước sạch trong một khu vực địa lý, vì vậy không trình bày thêm thông tin bộ phận.

**19. DOANH THU**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu cung cấp nước và xét nghiệm nước	254.636.703.205	226.470.030.192
Doanh thu lắp đặt đường ống	23.148.062.615	20.726.028.177
<b>Cộng</b>	<b>277.784.765.820</b>	<b>247.196.058.369</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	<b>2.061.569.395</b>
- Giảm giá hàng bán	-	2.061.569.395
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>277.784.765.820</b>	<b>245.134.488.974</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn cung cấp nước và xét nghiệm nước	202.345.478.019	174.740.790.609
Giá vốn lắp đặt đường ống	15.252.019.247	17.880.403.197
<b>Cộng</b>	<b>217.597.497.266</b>	<b>192.621.193.806</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.679.177.810	30.657.959.444
Chi phí nhân công	39.819.705.112	36.344.221.558
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.090.520.338	33.145.480.366
Chi phí dịch vụ mua ngoài	118.601.196.735	110.767.305.575
Chi phí bằng tiền khác	21.664.164.393	14.340.134.696
<b>Cộng</b>	<b>251.854.764.388</b>	<b>225.255.101.639</b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.874.167.868	5.303.421.631
<b>Cộng</b>	<b>5.874.167.868</b>	<b>5.303.421.631</b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	10.254.644.383	9.463.247.082
Chi phí dự phòng	(140.221.439)	-
Các khoản chi phí QLDN khác	10.147.573.495	9.276.546.873
<b>Cộng</b>	<b>20.261.996.439</b>	<b>18.739.793.955</b>
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	8.192.391.015	7.278.249.971
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	11.347.627.790	5.812.944.037
<b>Cộng</b>	<b>19.540.018.805</b>	<b>13.091.194.008</b>

**24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>17.560.646.891</b>	<b>15.355.287.591</b>
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.241.181.896	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>18.801.828.787</b>	<b>15.355.287.591</b>
Thu nhập chịu thuế suất 20%	8.523.910.289	250.740.703
Thu nhập chịu thuế suất 10%	10.277.918.498	15.104.546.888
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>2.732.573.908</b>	<b>1.560.602.829</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (Tiếp theo)**

Theo Công văn số 759/CT-TTH ngày 14/4/2016 của Cục thuế tỉnh Long An, ngành nghề cấp thoát nước của Công ty đáp ứng các điều kiện để hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa, do đó thu nhập từ hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa của Công ty được ưu đãi về thuế suất thuế TNDN theo quy định của Thông tư số 123/2012/TT-BTC. Công ty được hưởng mức thuế suất ưu đãi 10% cho hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa trong suốt thời gian hoạt động, mức thuế suất này được Công ty áp dụng từ ngày 01/01/2016. Thu nhập từ các hoạt động khác của Công ty chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế trong năm	14.828.072.983	13.794.684.762
Trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi đã trích	2.224.210.948	2.018.639.780
Trừ Truy thu thuế và phạt vi phạm hành chính làm giảm	-	337.086.224
Lợi nhuận sau thuế	<u>12.603.862.035</u>	<u>11.438.958.758</u>
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>12.603.862.035</b>	<b>11.438.958.758</b>
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.200.000	12.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.033	938
Mệnh giá mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	68.269.503.838	88.921.503.838
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	4.458.731.389	4.077.871.145
Nợ thuần	63.810.772.449	84.843.632.693
Vốn chủ sở hữu	172.838.943.262	168.390.521.367
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,37</b>	<b>0,50</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.458.731.389	4.077.871.145	4.458.731.389	4.077.871.145
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.419.772.762	8.942.573.236	12.419.772.762	8.942.573.236
Đầu tư tài chính ngắn hạn	116.092.306	110.669.500	116.092.306	110.669.500
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.994.596.457</b>	<b>13.131.113.881</b>	<b>16.994.596.457</b>	<b>13.131.113.881</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	68.269.503.838	88.921.503.838	68.269.503.838	88.921.503.838
Phải trả người bán và phải trả khác	61.771.820.792	62.360.927.489	61.771.820.792	62.360.927.489
Chi phí phải trả	494.795.463	-	494.795.463	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>130.536.120.093</b>	<b>151.282.431.327</b>	<b>130.536.120.093</b>	<b>151.282.431.327</b>

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính theo như thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 2 - 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.458.731.389	-	-	4.458.731.389
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.419.772.762	-	-	12.419.772.762
Đầu tư tài chính ngắn hạn	116.092.306	-	-	116.092.306
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.994.596.457</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>16.994.596.457</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Các khoản vay	11.752.000.000	45.914.076.838	10.603.427.000	68.269.503.838
Phải trả người bán và phải trả khác	48.001.698.249	13.770.122.543	-	61.771.820.792
Chi phí phải trả	494.795.463	-	-	494.795.463
<b>Tổng cộng</b>	<b>60.248.493.712</b>	<b>59.684.199.381</b>	<b>10.603.427.000</b>	<b>130.536.120.093</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(43.253.897.255)</b>	<b>(59.684.199.381)</b>	<b>(10.603.427.000)</b>	<b>(113.541.523.636)</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 2 - 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.077.871.145	-	-	4.077.871.145
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.942.573.236	-	-	8.942.573.236
Đầu tư tài chính ngắn hạn	110.669.500	-	-	110.669.500
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.131.113.881</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>13.131.113.881</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Các khoản vay	43.335.000.000	34.336.000.000	11.250.503.838	88.921.503.838
Phải trả người bán và phải trả khác	48.051.742.816	14.309.184.673	-	62.360.927.489
<b>Tổng cộng</b>	<b>91.386.742.816</b>	<b>48.645.184.673</b>	<b>11.250.503.838</b>	<b>151.282.431.327</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(78.255.628.935)</b>	<b>(48.645.184.673)</b>	<b>(11.250.503.838)</b>	<b>(138.151.317.446)</b>

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao, tuy nhiên Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

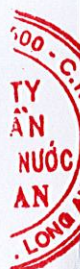
Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan đã được trình bày trong các thuyết minh số 05, 12, 15, 16 và 17; trong năm, Công ty còn có các giao dịch trọng yếu sau với bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>UBND tỉnh Long An</b>		
Chia cổ tức	4.443.240.000	4.367.473.343
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP</b>		
Chia cổ tức	-	2.704.277.443
<b>Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương</b>		
Chia cổ tức	2.818.750.180	-
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư T&amp;D Việt Nam</b>		
Vay tiền	3.500.000.000	-
Trả tiền vay	3.500.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Nước Biwase - Long An ( tên cũ là: Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Long An)</b>		
Tiền mua nước	107.284.698.802	99.335.272.070
Thanh toán tiền mua nước	90.268.174.593	104.249.739.773

**Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng**

Thù lao của Hội đồng Quản trị, Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng được hưởng trong năm như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
		VND	VND
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Chủ tịch HĐQT	747.000.000	480.000.000
Ông Phạm Quốc Thắng	Chủ tịch HĐQT (đã miễn nhiệm)	624.000.000	519.000.000
Ông Võ Trung Cang	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm)	79.000.000	368.000.000
Ông Lưu Văn Cần	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	609.125.000	83.000.000
Bà Trương Ngọc Thủy Trang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	175.000.000	-
Ông Cao Duy Thanh	Trưởng Ban kiểm soát	60.432.308	-
Ông Võ Minh Thái	Trưởng Ban kiểm soát (đã miễn nhiệm)	628.600.000	441.000.000
Ông Nguyễn Quốc Phong	Kế toán trưởng	722.000.000	441.000.000
<b>Cộng</b>		<b><u>3.645.157.308</u></b>	<b><u>2.332.000.000</u></b>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**28. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 4.311.650.000 VND là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán nhưng đã bao gồm 24.824.477.420 VND là số tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang năm trước đã được thanh toán trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng với số chênh lệch đã được điều chỉnh trên phần Tăng/(Giảm) các khoản phải trả.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm 494.795.463 VND là số tiền lãi vay phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng với số chênh lệch đã được điều chỉnh trên phần Tăng/(Giảm) các khoản phải trả.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu không bao gồm 8.143.659.626 VND là số cổ tức năm nay chưa thanh toán, nhưng đã bao gồm 7.401.678.758 VND là số cổ tức năm trước được thanh toán trong năm nay, do vậy một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trong phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Nguyễn Bảo Tùng  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Long An, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Nguyễn Quốc Phong  
Kê toán trưởng

Trịnh Huỳnh Thủy Tiên  
Người lập biểu

**Văn phòng Hà Nội**

Tầng 12A, tòa nhà Tổng Công ty 319,  
Số 63 Lê Văn Lương, P. Trung Hòa,  
Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội  
Tel: +84-24 3577 0781  
Fax: +84-24 3577 0787  
Email: vacohn@vaco.com.vn  
Website: www.vaco.com.vn

**Văn phòng Hồ Chí Minh**

Lầu 11, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ  
P. 15, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: +84-28 3840 6618  
Fax: +84-28 3840 6616  
Email: vacohcm@vaco.com.vn

**Văn phòng Đồng Nai**

79 Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng,  
TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai  
Tel: +84-251 3828 560  
Fax: +84-251 3828 560  
Email: vacodongnai@vaco.com.vn

**Văn phòng Bình Dương**

Số 12, đường số 5, tổ 19,  
Khu 3, P. Chánh Nghĩa  
TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương  
Email: vacobinhduong@vaco.com.vn

**Ha Noi Office**

12A Floor, 319 Corporation Tower  
No. 63 Le Van Luong Street, Trung Hoa Ward,  
Cau Giay District, Hanoi City  
Tel: +84-24 3577 0781  
Fax: +84-24 3577 0787  
Email: vacohn@vaco.com.vn  
Website: www.vaco.com.vn

**Ho Chi Minh Office**

11<sup>th</sup> Floor, HUD Building, No.159 Dien Bien Phu Street  
Ward 15, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City  
Tel: +84-28 3840 6618  
Fax: +84-28 3840 6616  
Email: vacohcm@vaco.com.vn

**Dong Nai Office**

No. 79 Ha Huy Giap Street, Quyet Thang Ward,  
Bien Hoa City, Dong Nai Province  
Tel: +84-251 3828 560  
Fax: +84-251 3828 560  
Email: vacodongnai@vaco.com.vn

**Binh Duong Office**

No. 12, Street 5, Group 19,  
Quarter 3, Chanh Nghia Ward  
Thu Dau Mot City, Binh Duong Province  
Email: vacobinhduong@vaco.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Long An, ngày .04. tháng 03 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Cấp thoát nước Long An thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Long An

- Mã chứng khoán: LAW
- Địa chỉ: 250 Hùng Vương, Phường 4, TPTA, Long An
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0272.3825.114- Fax: 0272.3826.040
- Email: info@Lawaco.com.vn Website: http://lawaco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
  - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
  - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
  - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTT được kiểm toán năm 2022):

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 04/03/2024 tại đường dẫn: [www.Lawaco.com.vn](http://www.Lawaco.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC kiểm toán năm 2023.

**Đại diện tổ chức**

Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**Cao Duy Thanh**